TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **276/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/5/2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Danh Hải**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Trang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Hoàng Hà** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Ông **Lưu Thế Tài** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **N.T.H**, sinh năm 19... - *Có mặt.*

Nơi thường trú: Số …, phố L, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **T.T.K**, sinh năm 19... - *Xin vắng mặt.*

Nơi thường trú: Số …, ngõ Đ, phố B, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn, Bản tự khai, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là chị **N.T.H** trình bày:

Năm 2010, chị và anh K có đi lại, tìm hiểu 1 năm, sau đó về chung sống đến năm 2014 thì kết hôn. Quá trình chung sống, anh K đi tù về tội cướp giật tài

sản, sử dụng trái phép chất ma túy, còn chị từ đầu năm 2018 có đi lao động xuất khẩu 5 năm, nên hai vợ chồng không có thời gian gần gũi. Đến nay, hai bên không còn tình cảm, nên chị làm đơn xin được ly hôn. Chị và anh K có 02 con chung là cháu T.T.Đ, sinh năm 2011 và cháu T.P.A, sinh năm 2015, có nguyện vọng ở với mẹ. Chị yêu cầu nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con. Chị và anh K không có tài sản chung, nhà ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 12/4/2023, bị đơn là anh **T.T.K** trình bày:

Năm 2010, anh và chị H tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau, đến ngày 14/11/2014 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, anh đã nhiều lần phạm tội, phải đi chấp hành án, nên không chăm lo được cho vợ con. Hiện anh bị tạm giam và xét xử đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Anh và chị H có 02 con chung là cháu T.T.Đ, sinh ngày 06/7/2011 và cháu T.P.A, sinh ngày 08/12/2015. Anh đồng ý giao cả 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng. Anh và chị H không có tài sản chung, nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H không rút đơn xin ly hôn, anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh K. Về con chung, giao cháu T.T.Đ và cháu T.P.A cho chị H nuôi dưỡng, anh K được thăm nom con, không ai có quyền cản trở. Về tài sản chung, chị H và anh K không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N.T.H khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn đối với anh T.T.K, nơi thường trú số 1, ngõ Đ, phố B,

phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, anh T.T.K là bị đơn, đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, năm 2010 chị N.T.H và anh T.T.K tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng. Ngày 28/4/2011, anh K bị bắt và ngày 22/7/2011 bị Tòa án nhân dân quận B xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, ra trại ngày 28/10/2014. Ngày 14/11/2014, chị H và anh K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được hơn một năm, thì ngày 24/02/2016 anh K bị bắt và ngày 26/8/2016 bị Tòa án nhân dân quận H xử phạt 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ra trại ngày 24/5/2022. Ngày 02/8/2022, anh K bị bắt và ngày 10/02/2023 bị Tòa án nhân dân quận H1 xử phạt 20 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Còn chị H đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan từ năm 2018 đến tháng 11/2022 mới về nước. Nay chị H xin ly hôn, anh K xác nhận anh đã nhiều lần phạm tội, phải đi chấp hành án, không chăm lo được cho vợ con và đồng ý ly hôn. Xét thấy, từ nhiều năm nay, chị H, anh K không sống chung, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn anh K.

[4] Về con chung: Chị N.T.H và anh T.T.K có 02 con chung là cháu T.T.Đ, sinh ngày 06/7/2011 và cháu T.P.A, sinh ngày 08/12/2015, sức khỏe bình thường. Cháu Đ đang học lớp 6A1, Trường THCS M. Cháu P.A đang học lớp 2A3 Trường tiểu học M. Trong thời gian anh K đi chấp hành án, chị H đi lao động nước ngoài, hai cháu ở với ông bà nội. Từ khi về nước, chị H sống tại nhà bố mẹ đẻ ở số .., phố L, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nay xin ly hôn, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, cháu P.A, hai cháu có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Anh K có lời khai đồng ý để chị H nuôi dưỡng 02 con chung. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án giao cháu Đ, cháu P.A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về nghĩa vụ

cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh K không trực tiếp nuôi con, nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, do anh K đang chấp hành bản án phạt tù, không có điều kiện thực hiện nghĩa vụ và chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị N.T.H và anh T.T.K xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N.T.H, anh T.T.K không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Chị N.T.H là nguyên đơn, nên căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.T.H đối với anh T.T.K. Chị H được ly hôn anh K.

2. Về con chung:

- Chị N.T.H và anh T.T.K xác nhận có 02 con chung là cháu T.T.Đ, sinh ngày 06/7/2011 và cháu T.P.A, sinh ngày 08/12/2015.

- Giao cháu T.T.Đ và cháu T.P.A cho chị N.T.H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con, nên Tòa án không xem xét.

- Anh T.T.K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị N.T.H và anh T.T.K xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N.T.H, anh T.T.K không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị N.T.H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013374 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Chị N.T.H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T.T.K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- UBND phường Văn Chương;
  (GCNKH số 109, ngày 14/11/2014)
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam